

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 05-01-2018.

V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 63/2017/TLST-DSST ngày 12 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở: 130 đường P, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Nguyễn P, sinh năm 1985 – chức danh: nhân viên Quản lý tín dụng - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 07/QĐ-DAB-Q07 ngày 20/12/2016) - (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: 72/8 tổ 46, khu phố 3, đường H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 08/12/2008, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quận B đã ký Hợp đồng tín dụng (Hợp đồng vay thẻ tín dụng Visa) theo Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng

Đ Bank (thẻ chính) với ông Dương Văn Đ. Các bên có thỏa thuận các nội dung như sau:

- Số tiền vay (vốn gốc): 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
- Lãi suất: 18%/năm.
- Thời hạn vay: 12 tháng (từ 08/4/2011 đến 30/4/2012).
- Mục đích vay: tiêu dùng.
- Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: tín chấp.

Đến thời hạn thanh toán cho khoản vay trên là ngày 30/4/2012 nhưng ông Dương Văn Đ vẫn không thanh toán cho Ngân hàng theo như cam kết trong hợp đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh buộc ông Dương Văn Đ thanh toán toàn bộ số vốn gốc, lãi và phí chậm thanh toán cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng đã ký, số tiền phải trả tính đến ngày 05/01/2018: tiền vốn gốc 16.313.757đ (mười sáu triệu ba trăm mười ba ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn 67.873.805đ (sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm lẻ năm đồng), tổng cộng: 84.187.562đ (tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng).

Ngoài ra, ông Đ còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (thẻ chính) cho đến khi nào trả hết số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn P có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 26/12/2017 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là ông Dương Văn Đ đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ, thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2017/QĐST-DS ngày 29/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2017/QĐST-HPT ngày 15/12/2017 nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Dương Văn Đ phải trả số tiền còn nợ lại theo Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (thẻ chính) của Ngân hàng TMCP Đ thì đây là tranh chấp về “Hợp

đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường T , Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn là “ông Dương Văn Đ có địa chỉ cư ngụ tại số 72/8 tổ 46, khu phố 3, đường H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện nay đ/s Đ không còn cư ngụ tại địa phương (đã cùng gia đình bán nhà chuyển đi nơi khác từ năm 2013, không rõ địa chỉ cụ thể nơi ở mới, chưa làm thủ tục cắt chuyển hộ khẩu thường trú theo quy định” căn cứ vào Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (thẻ chính) ngày 08/12/2008 của Ngân hàng TMCP Đ thể hiện tại thời điểm ký kết ông Đ có ghi địa chỉ tại 72/8 đường H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết.

2. Về hình thức:

Đối với bị đơn là ông Dương Văn Đ mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tiến hành các thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (Thẻ chính) và bị đơn ông Dương Ngọc Đ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận Ngân hàng TMCP Đ có cấp cho ông Dương Văn Đ thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào bản chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ xác định ông Dương Văn Đ còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 05/01/2018 là 84.187.562đ (tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng) trong đó bao gồm: nợ gốc 16.313.757đ (mười sáu triệu ba trăm mười ba ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn 67.873.805đ (sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm lẻ năm đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Dương Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh

của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 30/9/2017, ông Dương Văn Đ còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (Thẻ chính) ngày 08/12/2008 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc, lãi nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Đ chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0003993 ngày 23/10/2017 của Báo Pháp luật Việt Nam và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000214 ngày 05/10/2017 của Chi nhánh Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền thông đa phương tiện tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ và bị đơn ông Dương Văn Đ.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

- Buộc ông Dương Văn Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và số tiền lãi tính đến ngày 05/01/2018, tổng cộng là 84.187.562đ (tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng) trong đó bao gồm: nợ gốc 16.313.757đ (mười sáu triệu ba trăm mười ba ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn 67.873.805đ (sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm lẻ năm đồng).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 06/01/2018 ông Dương Văn Đ còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Đ Bank (Thẻ chính) ngày 08/12/2008 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.009.378đ (bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn ba trăm bảy mươi tám đồng).

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.016.000đ (hai triệu không trăm mười sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/07649 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP Đ.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Đ chịu theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0003993 ngày 23/10/2017 của Báo Pháp luật Việt Nam và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000214 ngày 05/10/2017 của Chi nhánh Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền thông đa phương tiện tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngân hàng TMCP Đ và ông Dương Văn Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận B, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận B, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)**

Trần Thị Ngọc Phương